

30 năm Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam

Triệu Văn Huân

Nguyễn Thị Tâm

Trần Thị Phương Thảo

Trường Đại học Kinh tế & QTKD Thái Nguyên

Ngày 29/12/1987, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đây có thể coi là một bước ngoặt lớn về tư tưởng kinh tế vì nó đã tạo ra được nền tảng hành lang pháp lý cho hoạt động hợp tác đầu tư với nước ngoài của Việt Nam. Đã 30 năm kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành và có hiệu lực (nay là Luật Đầu tư), Việt Nam đã thu hút được một lượng lớn nguồn vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nguồn vốn này đóng góp một phần không nhỏ vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giúp Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Bài viết nhằm đưa ra những phân tích, nhận định trong 30 năm thu hút FDI của Việt Nam (1988-2017).

1. Thực trạng thu hút FDI vào Việt Nam giai đoạn 1988-2017

1.1. Thu hút FDI theo quy mô vốn đầu tư

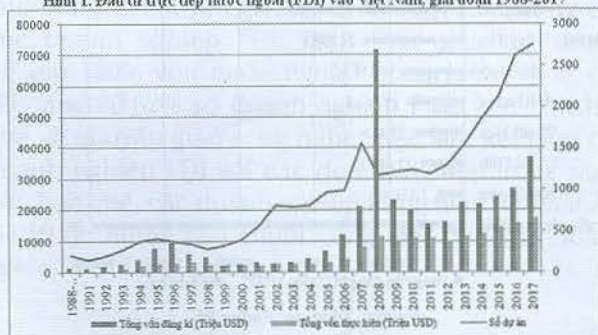
Sau khi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 1987, trong 3 năm đầu 1988-1990, kết quả thu hút FDI còn hạn chế, chỉ có 211 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 1.603,5 triệu USD. Đây là giai đoạn đầu của tiến trình mở cửa và nước ta đang chịu lệnh cấm vận của nhiều nước nên số vốn FDI thu hút được còn hạn chế. Giai đoạn 1991-1995, FDI vào Việt Nam đã có sự khởi sắc với 1.409 dự án, với tổng số vốn đăng ký đạt 18.379,1 triệu USD. Đây có thể coi là thời kỳ bắt đầu sự bùng nổ FDI tại Việt Nam. Giai đoạn này Hoa Kỳ đã dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam, môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam bắt đầu hấp dẫn nhà đầu tư. Tuy nhiên, đến giai đoạn 1996-2000, FDI có sự sụt giảm cả về số vốn đăng ký lẫn quy mô bình quân/dự án. Năm 1996, vốn FDI đăng ký đạt 9.635,3 triệu USD, quy mô bình quân/ dự án là 25,9 triệu USD thì đến năm 2000, vốn FDI đăng ký chỉ đạt 2.762,8 triệu USD, quy mô bình quân/ dự án là 7,1 triệu USD. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư của Việt Nam chậm được cải thiện, trong khi phải chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nước khác trong khu vực.

Trong giai đoạn 2001-2005, dòng vốn FDI vào Việt Nam bắt đầu có sự phục hồi nhưng tốc độ còn chậm. Trong giai đoạn này, Việt Nam thu hút được 3.935 dự án, tổng vốn đăng ký là 20.806 triệu USD. Giai đoạn 2006-2010, chứng kiến FDI vào Việt Nam có sự tăng, giảm thất thường. Tổng số vốn đăng ký năm 2006 và 2007 lần lượt là 12.004,5 triệu USD và 21.348,8 triệu USD. Năm 2008, số vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt kỷ lục với 71.726,8 triệu USD. Tuy nhiên, vốn FDI thực hiện cũng chỉ đạt 11.500,2 triệu USD, đạt tỷ lệ 16%. Đến năm 2009 và 2010, do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu, dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng bị sụt giảm đáng kể. Tổng số vốn đăng ký năm 2006 và 2007 lần lượt là 23.107,5 triệu USD và 19.886,8 triệu USD. Giai đoạn 2011-2015, chứng kiến đà phục hồi của dòng vốn FDI nhưng mức độ phục hồi còn chậm do vẫn chịu tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu. Năm 2016, tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần trong năm 2016 đạt 26.890,5 triệu USD. Năm 2017 đánh dấu cột mốc 30 năm FDI vào Việt Nam. Đây cũng là năm Việt Nam đạt kỷ lục về số dự án thu hút được cũng như số vốn FDI thực hiện. Năm 2017, Việt Nam thu hút được 2.741 dự án với tổng số vốn đăng ký đạt 37.100,6 triệu USD (chỉ thấp hơn năm 2008) nhưng số vốn FDI thực hiện thì cao nhất trong 30 năm qua với 17.500 triệu USD.

1.2. FDI được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế

Công nghiệp và xây dựng là ngành kinh tế thu hút được nhiều vốn FDI nhất với 14.229 dự án, tổng số vốn đăng ký đạt 225.396,1 triệu USD, chiếm 70,52% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam. Trong đó, riêng lĩnh vực chế biến, chế tạo đã thu hút được tới 12.460 dự án, tổng số vốn đăng ký đạt 186.514,2 triệu USD, chiếm 82,7% vốn FDI đăng ký vào ngành Công nghiệp và xây dựng và chiếm 58,36% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam. Theo dự báo của nhiều chuyên gia, công nghiệp

Hình 1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam, giai đoạn 1988-2017



Nguồn: Tổng cục Thống kê

chế biến, chế tạo vẫn là lĩnh vực thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài trong thời gian tới. Đầu tư vào lĩnh vực này tại Việt Nam vừa gặp ít rủi ro, lại tận dụng được lợi thế nhân công, năng lượng giá rẻ. Công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển được kỳ vọng tạo ra nhu cầu lớn về công nghiệp hỗ trợ, là cơ hội cho Việt Nam thu hút thêm nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Bảng 1: FDI được cấp giấy phép theo ngành kinh tế
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2017)

Ngành kinh tế	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	511	3.521,2	1,10
Công nghiệp và Xây dựng	14.229	225.396,1	70,52
Khai khoáng	105	4.876,0	1,53
Công nghiệp chế biến, chế tạo	12.460	186.514,2	58,36
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	115	20.820,9	6,51
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	68	2.338,5	0,73
Xây dựng	1.481	10.846,5	3,39
Dịch vụ	10.063	90.695,8	28,38
Tổng	24.803	319.613,1	100

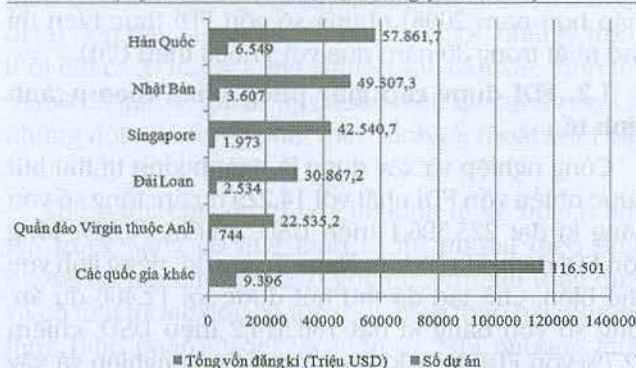
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Đứng thứ 2 về thu hút FDI là ngành dịch vụ với 10.063 dự án, tổng số vốn đăng ký đạt 90.695,8 triệu USD, chiếm 28,38% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam. Trong ngành dịch vụ thì lĩnh vực thu hút được nhiều FDI nhất là hoạt động kinh doanh bất động sản với 639 dự án, tổng số vốn đăng ký đạt 53.226,0 triệu USD, chiếm 58,7% vốn FDI đăng ký vào ngành Dịch vụ và chiếm 16,7% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam.

Ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút được ít FDI nhất với 511 dự án, tổng số vốn đăng ký đạt 3.521,2 triệu USD, chỉ chiếm 1,1% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam. Các nhà đầu tư nước ngoài ít đầu tư vào ngành nông nghiệp bởi đầu tư vào nông nghiệp là một hình thức đầu tư tồn tại nhiều rủi ro vì bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thời tiết, thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn thấp cũng là một trong các lý do khiến các nhà đầu tư nước ngoài ít đầu tư vào ngành nông nghiệp.

1.3. FDI được cấp giấy phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu

Hình 2. FDI được cấp phép theo đối tác đầu tư chủ yếu
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2017)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

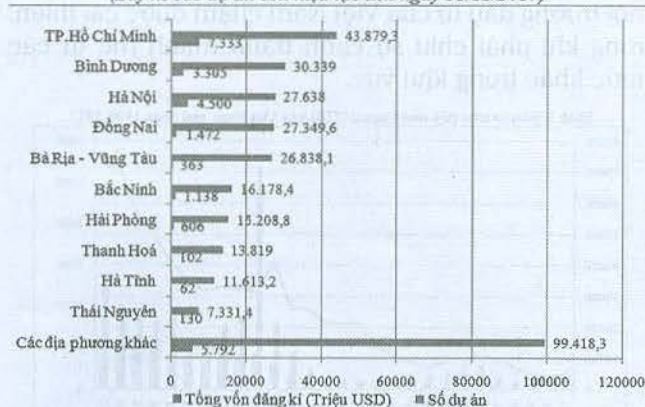
Hàn Quốc là quốc gia dẫn đầu về số vốn FDI vào Việt Nam với 6.549 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 57.861,7 triệu USD, chiếm 18,1% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Nhiều tập đoàn hàng đầu của Hàn Quốc như Samsung, LG, Hyundai Motor, SK, Lotte, POSCO, CJ, Hanwha, LH Corp đã đánh giá cao kết quả cải thiện môi trường đầu tư của Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua và khẳng định Việt Nam là thị trường đầu tư chiến lược và cam kết sẽ tiếp tục mở rộng các hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Đối tác đầu tư FDI lớn thứ hai vào Việt Nam là Nhật Bản với 3.607 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 49.307,3 triệu USD, chiếm 15,4% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Các doanh nghiệp Nhật Bản được đánh giá là hoạt động hiệu quả, nghiêm túc, chấp hành tốt các quy định pháp luật của Việt Nam, góp phần giải quyết việc làm và thúc đẩy tăng trưởng cho nền kinh tế. Cho đến nay, nhiều tập đoàn lớn của Nhật Bản đã có mặt tại Việt Nam với các sản phẩm có uy tín, có sức cạnh tranh và hàm lượng kỹ thuật cao, trong đó, có nhiều sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu và tham gia tích cực vào xuất khẩu. Các tập đoàn lớn của Nhật Bản đang đầu tư tại Việt Nam có thể kể đến như Canon, Sony, Matsushita, Sumitomo, Sanyo, Toyota, Honda, Isuzu, Suzuki...

Đối tác đầu tư FDI lớn thứ ba vào Việt Nam là Singapore với 1.973 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 42.540,7 triệu USD, chiếm 13,3% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Quy mô đầu tư trung bình của nhà đầu tư Singapore ở Việt Nam khoảng 21,56 triệu USD/dự án, lớn hơn nhiều so với mức trung bình của các dự án nước ngoài tại Việt Nam hiện nay khoảng 12,89 triệu USD/dự án. Những lĩnh vực mà nhà đầu tư Singapore chủ yếu tập trung vào đó là lĩnh vực công nghệ chế biến, chế tạo, bất động sản, giáo dục và giải trí. Tính riêng 5 đối tác đầu tư nhiều FDI nhất vào Việt Nam đã chiếm tới 63,6% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam.

1.4. FDI được cấp giấy phép phân theo địa phương

Hình 3: FDI được cấp giấy phép phân theo địa phương
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2017)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tính đến 31/12/2017, tất cả các địa phương trên cả nước đều đã thu hút được FDI. Đứng đầu về thu hút FDI là Thành phố Hồ Chí Minh với 7.333 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 43.879,3 triệu USD, chiếm 13,7% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Đứng thứ hai là Bình Dương với 3.305 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 30.339 triệu USD, chiếm 9,5% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Đứng thứ ba là Hà Nội với 4.500 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 27.638 triệu USD, chiếm 8,6% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước.

Hai địa phương xếp thứ 4 và thứ 5 là Đồng Nai và Bà Rịa — Vũng Tàu với tỷ trọng lần lượt chiếm 8,6% và 8,4% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Xếp thứ 10 trong số 10 địa phương thu hút được nhiều FDI nhất là Thái Nguyên với 130 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 7.331,4 triệu USD. Tính riêng 10 địa phương thu hút được nhiều FDI nhất đã chiếm tới 76,6% tổng số dự án và 68,9% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước.

2. Đánh giá chung về thu hút FDI giai đoạn 1988-2017

Trong suốt 30 năm qua, dòng vốn FDI đã có những đóng góp tích cực đối với kinh tế - xã hội của Việt Nam. FDI là một nguồn vốn bổ sung quan trọng cho tổng vốn đầu tư toàn xã hội (đóng góp 23,7%), là khu vực phát triển năng động đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP của Việt Nam (khu vực đầu tư nước ngoài chiếm gần 20% GDP). Bên cạnh đó, FDI cũng góp phần quan trọng vào xuất khẩu của Việt Nam bởi sản phẩm của các doanh nghiệp FDI chủ yếu là xuất khẩu ra nước ngoài (chiếm 70% kim ngạch xuất khẩu). Nguồn vốn này cũng góp phần tăng thu ngân sách; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (sử dụng gần 4 triệu việc làm trực tiếp và 5-6 triệu việc làm gián tiếp). Thực tiễn hợp tác và quản lý các doanh nghiệp FDI đã giúp các doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước ở Việt Nam rút ra được nhiều bài học về quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, thay đổi tư duy quản lý... từ đó, tạo ra được một đội ngũ các nhà quản trị, quản lý có trình độ, năng động, sáng tạo phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng còn những hạn chế nhất định. Đó là tình trạng chuyển giá, gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp FDI; hình thức đầu tư “doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài” còn chiếm tỷ lệ cao (khoảng 80-82% số doanh nghiệp FDI) nên còn hạn chế về chuyển giao công nghệ; việc liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, các doanh nghiệp trong nước chưa tham gia được nhiều vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

3. Quan điểm, định hướng thu hút FDI của Việt Nam trong thời gian tới

Tại Hội nghị 30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với chủ đề “Tầm nhìn và cơ hội mới trong kỷ nguyên mới”, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cho biết, tổng kết 30 năm qua cho thấy, việc mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài là một chủ trương đúng đắn, đã góp phần thực hiện nhiều mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước. Theo đó, quan điểm, định hướng của Việt Nam đối với đầu tư nước ngoài trong thời gian tới là: (i) Việt Nam khẳng định nhất quán khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài luôn là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế; (ii) Việt Nam mong muốn nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài, mang lại lợi ích cho nhà đầu tư, nhà nước, xã hội và bảo vệ tốt môi trường; (iii) Thúc đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, công nghệ chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; (iv) Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào ngành công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, lao động, tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỉ lệ nội địa hóa cao; (v) Hợp tác với các tập đoàn đa quốc gia, các nhà đầu tư có công nghệ mới sáng tạo, có chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị quốc tế để hình thành và phát triển cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Thúc đẩy doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài liên kết với các tập đoàn đa quốc gia trong cụm liên kết ngành, từng bước tham gia vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn. Hợp tác đầu tư nước ngoài phù hợp với lợi thế, quy hoạch địa phương, vùng, đảm bảo tính hiệu quả./.

Tài liệu tham khảo

Phạm Thị Vân Anh (2018), FDI và những kỉ lục mới, Tạp chí Tài chính ngày 11/2/2018.

Lê Văn (2018), Thủ tướng nêu 5 quan điểm đối với đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới, Bài viết trên tạp chí Kinh tế và Dự báo ngày 04/10/2018.

Hiệp hội doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài (2018). Toàn cảnh 30 năm Đầu tư nước ngoài, Đặc san của Tạp chí Nhà đầu tư

Website của Tổng cục Thống kê (gso.gov.vn).